

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2026

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Dương Kha L**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: số A, đường C T, khu V, phường V, TP ..

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: số D T, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2025 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Dương Kha L trình bày: Ông và bà Lê Thị Ngọc Đ tự quen biết, yêu thương nhau, bắt đầu chung sống từ năm 2013, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/11/2015.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống nên vợ chồng thường hay cự cãi, mặc dù hai người đã cố gắng khắc phục nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho

đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Anh H, sinh ngày 03/10/2015, hiện đang sống chung với ông Kha L. Ông Kha L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Kha L cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – bà Lê Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại bản trình bày nguyện vọng lập ngày 19/01/2026, người con chung tên Dương Anh H có ý kiến: muốn được sống chung với cha là ông Dương Kha L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – ông Dương Kha L yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – bà Lê Thị Ngọc Đ nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang). Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang.

[3] Bị đơn – bà Lê Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – ông Dương Kha L yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – bà Lê Thị Ngọc Đ.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Ông Kha L và bà Đ tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/11/2015; như vậy, việc kết hôn của ông Kha L và bà Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Kha L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống nên vợ chồng thường hay cự cãi, mặc dù hai người đã cố gắng khắc phục nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – ông Kha L đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – bà Đ không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông Kha L và bà Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Kha L.

[2] Về con chung: Ông Kha L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Dương Anh H, sinh ngày 03/10/2015, ông Kha L không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với ý chí nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Kha L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – ông Dương Kha L.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – ông Dương Kha L phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà ông Kha L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009318, ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên ông Kha L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Dương Kha L, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Kha L được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Đ.

- Về con chung: Giao người con chung tên Dương Anh H, sinh ngày 03/10/2015 cho ông Dương Kha L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Do ông Dương Kha L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương Kha L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – ông Dương Kha L phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà ông Kha L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009318, ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên ông Kha L không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- U, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

L1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- U, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND P. Rạch Giá, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

